

XE ĐẦU KÉO
HOWO MAX
460HP



CHUYÊN VIÊN KINH DOANH

BIÊN PHẠM

ĐT/ZALO 0985 890 969



XE ĐẦU KÉO HOWO - ĐẦU TƯ MỘT LẦN - SINH LỜI CẢ ĐỜI



XANH DƯƠNG




ĐỎ




GHI




XANH LÁ




VÀNG




TRẮNG


KHÁC BIỆT
HOÀN HẢO

NỘI THẤT



Thiết kế tinh xảo, vật liệu cao cấp,
nhiều tính năng hiện đại

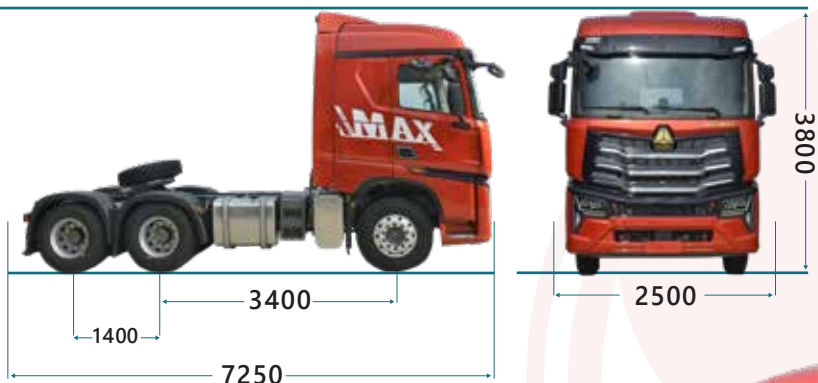


Bảng đồng hồ điện tử, rõ nét.
Màn hình giải trí tích hợp Camera 360



02 giường nằm, ghế hơi công thái học.
Sàn phẳng, rất rộng rãi

Kích thước bao Chassi 7.250 x 2.500 x 3.800 mm



HOWO MAX CẦU LÁP



SINOTRUK VIETNAM

Khác Biệt - Hoàn Hảo



Hộp số

HW25712XSTCL

12 số tiến, 02 số lùi | Hộp số nhanh



Nhãn hiệu CNHTC



Cabin Max-E

Ghế hơi	02
Giường nằm	02
Màn hình giải trí	12.3 inch
Camera	360°

Thể tích thùng nhiên liệu

Bình dầu chính	860 lít
Bình dầu phụ	200 lít

Nhíp Quang nhíp đôi



Động cơ MC11.46-50

4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, tăng áp	
Khí thải	EURO 5
Thể tích	10.518 Cm ³
Công suất cực đại	341/1900 kw/rpm

**Ô TÔ ĐẦU KÉO
460HP**

10200

Khối lượng Chassi (Kg)



Cầu trước VGD71 với phanh tang trống
Cầu sau MCY13BGS - TST 4.11 | 4.63

Phanh
Chassis

ABS
Lồng 2 lớp



KIỂU LOẠI XE	
Loại phương tiện	Ô TÔ ĐẦU KÉO
Nhãn hiệu	CNHTC
Mã kiểu loại	ZZ4257V344KE1
Công thức bánh xe	6x4
KHỐI LƯỢNG	
Khối lượng bản thân chassi/xe mui bạt(kg)	10200
Khối lượng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép lớn nhất(kg)	14670/12670
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất(kg)	25000/24000
Khối lượng kéo theo TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (kg)	38600/37670
Số người cho phép chở, kể cả người lái (người)	02 người
KÍCH THƯỚC	
Kích thước bao chassi/xe mui bạt: Dài x Rộng x Cao (mm)	7250 x 2500 x 3800
Kích thước lòng thùng xe/bao ngoài xi téc (mm)	
Khoảng cách trục (mm)	3400+1400
Vết bánh xe trước (mm)	2041
Vết bánh xe sau (mm)	1830
ĐỘNG CƠ	
Ký hiệu, loại động cơ	MC11.46-50 (460Hp) 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, có tăng áp
Loại nhiên liệu Diesel	Diesel
Thể tích làm việc (cm3)	10518
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (kW/rpm)	321/1900
Tiêu chuẩn khí thải	EURO 5
HỆ THỐNG TREO	
Hệ thống treo trước	Loại treo phụ thuộc, kiểu nhíp đa lá, có giảm chấn thủy lực, có thanh cân bằng, số lá nhíp 3 lá
Hệ thống treo sau	Loại treo phụ thuộc, kiểu nhíp đa lá, có thanh cân bằng, số lá nhíp 5 lá

HỆ THỐNG TRUYỀN LỰC VÀ CHUYỂN ĐỘNG	
Loại/dẫn động ly hợp	Ma sát/Thủy lực trợ lực khí nén
Ký hiệu/số cấp tiến-lùi/điều khiển hộp số	HW25712XSTCL/12tiến-02lùi/Cơ khí
Vị trí cầu chủ động	TRỤC 2+3
Cầu trước	VGD71 với phanh tang trống
Cầu sau	MCY13BGS - TST 4.11 4.63
Lốp	12R22.5, lốp bố thép
HỆ THỐNG LÁI	
Ký hiệu	Bosch
Loại cơ cấu lái	Trục vít - ê cu bi
Trợ lực	Cơ khí trợ lực thủy lực
HỆ THỐNG PHANH	
Hệ thống phanh chính	ABS, Khí nén
Loại cơ cấu phanh	Tang trống
THÂN XE	
Cabin	MAX-E, đầu cao, có 2 giường nằm
Giường Nằm	
Loại thân xe	Khung xe chịu lực, ca bin lật
Loại dây đai an toàn cho người lái	Dây đai 3 điểm
THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG	
Loại thiết bị chuyên dùng	
Đơn vị sản xuất	JOST
Thể tích, quy cách	50# hoặc 90#
Hệ thống thủy lực	
KHÁC	
Màu sắc	Tùy chọn (xanh, đỏ, trắng, bạc...)
Loại ắc quy/Điện áp-Dung lượng	Chì Axit /Ắc quy 2x12V/165ah.
Dung tích thùng dầu	1060L làm bằng hợp kim nhôm
Tiêu hao nhiên liệu (lít/100km)	Tùy theo cung đường và tải trọng

* Bảng TSKT trên chỉ là thông số dự kiến. Thông số chính xác của sản phẩm dựa theo “GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG” của xe.



SINOTRUK VIETNAM

Khác Biệt - Hoàn Hảo